UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG THCS QUÀI NƯA

Số: 11/QĐ- THCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuần Giáo, ngày 20 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách tiền lương năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUÀI NƯA

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ- UBND ngày 03/08/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ- UBND ngày 17/08/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao bổ sung kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách tiền lương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ- UBND ngày 22/08/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công công khai điều chỉnh, bổ sung kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp lương, tiền thưởng, mua sắm tập trung năm 2026 của trường THCS Quài Nưa.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị từ ngày 26/08/2026 đến 26/09/2026 và công bố tại cuộc họp toàn thể viên chức, người lao động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Trang website trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ TUẦN GIÁO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUÀI NƯA

Trần Anh Dũng

Đơn vị: Trường THCS Quài Nưa

Chương: 822

Mẫu biểu số 74

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÁNG 8/2026

Kèm theo Quyết định số 71 / QĐ- THCS ngày 26/08/2026 của trường THCS Quài Nưa)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**0**
I	**Số thu phí, lệ phí**	**0**
1	**Lệ phí**	***0***
	Lệ phí...	0
	Lệ phí...	0
2	**Phí**	***0***
	Phí...	0
	Phí...	0
3	**Thu SXKD, dịch vụ**	***0***
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**0**
1	**Chi sự nghiệp**	***0***
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
2	**Chi quản lý hành chính**	***0***
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
3	**Chi SXKD, dịch vụ**	***0***
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**0**
1	**Lệ phí**	***0***
	Lệ phí...	0
	Lệ phí...	0
2	**Phí**	***0***
	Phí...	0
	Phí...	0
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**439.382.000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**439.382.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**0**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	*0*

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	*0*
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	*0*
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số	*0*
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**439.382.000**
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	424.559.000
	Quyết định số DT05 ngày 22/08/2026	**424.559.000**
	- Mục: 7750 Chi khác	**424.559.000**
	7799: DTBS DT chi thường xuyên Đ 5 chi lương 2530 theo QĐ 822 ngày 17/8/2026	178.679.000
	7799: DTBS DT chi thường xuyên chi PC Ưu đãi nghề theo QĐ 845 ngày 22/8/2026	245.880.000
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	14.823.000
	Quyết định số DT05 ngày 22/08/2026	**14.823.000**
	- Mục: 7750 Chi khác	**14.823.000**
	7799: DTBS DT chi thường xuyên Đ 5 chi lương 2530 theo QĐ 822 ngày 17/8/2026	26.000.000
	7799: DT Đ/c bổ sung năm 2026 theo QĐ 448/QĐ-UBND ngày 24/05/2026 bán trú + mua sắm tập trung	-26.000.000
	7799: DT đầu năm 2026 theo QĐ 845 ngày 22/8/2026	14.823.000
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0**
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
5	**Chi đảm bảo xã hội**	**0**
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**0**
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0**
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0**
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**0**
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**0**
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
11	**Chi sự nghiệp Quốc phòng**	**0**
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
12	**Chi sự nghiệp An ninh**	**0**

12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**0**
2.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**0**
3.1	Dự án A	0
3.2	Dự án B	0
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**0**
4.1	Dự án A	0
4.2	Dự án B	0
5	**Chi đảm bảo xã hội**	**0**
5.1	Dự án A	0
5.2	Dự án B	0
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**0**
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0**
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0**
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**0**
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**0**
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0
II	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**0**
2.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**0**
3.1	Dự án A	0